TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập –Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 27/5/2024
V/v "Tranh chấp ly hôn và
nuôi con giữa anh H và chị T"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN – TỈNH BẮC GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - chủ toạ phiên toà: Ông Bùi Tư Duy
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Nguyễn Quốc Sửu;
Ông Nguyễn Văn Kiểm.

- Thư ký phiên toà: Bà Ngô Thị Vân - Thư ký Toà án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên tham gia phiên toà*:** Bà Trần Lệ Toàn - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 04/2024/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2024 về việc tranh chấp ly hôn và nuôi con theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 92/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Dương Việt H, sinh năm 1984 (có mặt)
Nơi cư trú: Tổ dân phố N, thị trấn C, huyện T, tỉnh Bắc Giang.
- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1985 (có mặt)
Nơi cư trú: Tổ dân phố N, thị trấn C, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 31/12/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Dương Việt H trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị T kết hôn ngày 09/9/2014, trên có sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn C, huyện T. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại tổ dân phố N, thị trấn C, huyện T, tỉnh Bắc Giang. Ban đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Năm 2022, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Mâu thuẫn vợ chồng xảy ra đỉnh điểm vào tháng 11/2023, vợ chồng ly thân từ năm đó cho đến nay. Gia đình có hòa giải, động viên vợ chồng đoàn tụ nhưng không thành. Nay anh xác định

tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt, đời sống chung không thể tiếp tục nên anh xin ly hôn chị T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Dương Thanh P, sinh ngày 19/4/2015 và Dương Đình Q, sinh ngày 07/4/2019, hiện con chung đang ở cùng anh. Ly hôn, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh trực tiếp nuôi cả 2 con chung. Cấp dưỡng nuôi con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, anh H có mặt và yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con với mức 3.000.000 đồng/ 02 con/ 01 tháng kể từ khi xét xử đến khi các con đủ 18 tuổi.

Tại bản tự khai ngày 18/01/2024 và những lời khai tiếp theo, chị Nguyễn Thị T trình bày:

Chị nhất trí với trình bày của anh H về ngày tháng kết hôn, điều kiện kết hôn, thời gian chung sống, nguyên nhân mâu thuẫn, con chung. Nay chị xác định vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn nhưng chị không đồng ý ly hôn anh H vì hiện các con của anh chị còn nhỏ nếu vợ chồng ly hôn sẽ ảnh hưởng tới các con.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Dương Thanh P, sinh ngày 19/4/2015 và Dương Đình Q, sinh ngày 07/4/2019. Nếu phải ly hôn, chị đề nghị giao cho anh H trực tiếp nuôi cả 2 con chung.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa chị T có mặt và trình bầy: Nếu phải ly hôn thì chị nhất trí để anh H nuôi 02 con, chị nhất trí cấp dưỡng nuôi con với mức 3.000.000 đồng/ 02 con/ 01 tháng kể từ khi xét xử đến khi các con đủ 18 tuổi.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên tham gia phiên toà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán: thụ lý vụ án theo đúng thẩm quyền, xác định mối quan hệ tranh chấp, những người tham gia tố tụng đúng, đủ; tiến hành thu thập chứng cứ, tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, công khai chứng cứ và hoà giải, tống đạt các văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng, chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nghiên cứu, Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tung dân sự; Hội đồng xét xử (HĐXX) đảm bảo về thành phần, nguyên tắc xét xử; tại phiên toà HĐXX đã thực hiện đủ, đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm; Thư ký chấp hành đúng quyền hạn, trách nhiệm theo quy định; Nguyên đơn, bị đơn có ý thức chấp hành các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, sau khi phân tích Kiểm sát viên đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh H, xử:

Cho anh Dương Việt H được ly hôn với chị Nguyễn Thị T.

Con chung: Giao cho anh H nuôi 02 con chung là Dương Thanh P, sinh ngày 19/4/2015 và Dương Đình Q, sinh ngày 07/4/2019. Chị T có nghĩa vụ cấp

dưỡng nuôi con với mức 3.000.000 đồng/02 con/01 tháng, kể từ khi xét xử đến khi các con đủ 18 tuổi.

Về án phí: Anh H phải chịu án phí ly hôn, chị T phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, sau khi nghe ý kiến đề nghị của đương sự, Kiểm sát viên. Sau khi thảo luận nghị án, Hội đồng xét xử thấy:

[1]. Về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp: Anh H xin ly hôn với chị T và tranh chấp về nuôi con, chị T có nơi cư trú tại tổ dân phố N, thị trấn C, huyện T, tỉnh Bắc Giang. Như vậy, Tòa án nhân dân huyện Tân Yên thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Dương Việt H kết hôn cùng chị Nguyễn Thị T ngày 09/9/2014, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn C, huyện T, tỉnh Bắc Giang trên cơ sở tự nguyện, đây là hôn nhân hợp pháp, phù hợp với quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống với nhau ngay, đến năm 2023, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và trong sinh hoạt hàng ngày, khi xảy ra mâu thuẫn thì đã được gia đình hòa giải nhưng không thành. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 11 năm 2023 cho đến nay. Nay anh H xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng nên anh xin ly hôn với chị T. Chị T xác định vợ chồng không còn tình cảm, có xảy ra mâu thuẫn nhưng không đồng ý ly hôn anh H. Hội đồng xét xử thấy anh H chị T đều xác định vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn và đã sống ly thân. Qua xác minh tại địa phương và gia đình đều thể hiện vợ chồng anh H, chị T có xảy ra mâu thuẫn và có thời gian ly thân. Nay chị T không nhất trí ly hôn với anh H, nhưng kể từ thời điểm vợ chồng ly thân cho đến nay, chị T không có biện pháp gì để vợ chồng đoàn tụ. Như vậy, có thể thấy vợ chồng anh H, chị T mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, anh H xin ly hôn là có căn cứ, Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân gia đình để cho anh H được ly hôn với chị T.

[3] Về con chung: Anh H và chị T có 02 con chung là Dương Thanh P, sinh ngày 19/4/2015 và Dương Đình Q, sinh ngày 07/4/2019. Anh H có nguyện vọng được nuôi cả 2 con chung. Chị T cũng đồng ý để anh H nuôi 2 con chung. Mặt khác, Cháu P đã trên 07 tuổi và có nguyện vọng được ở cùng anh H. Hội đồng xét xử thấy anh H và chị T đều có đủ điều kiện nuôi con, việc anh H, chị T thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con đã đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con đồng thời phù hợp với nguyện vọng của con chung. Do đó, cần giao cho anh H nuôi dưỡng cả 02 con chung là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Về cấp dưỡng nuôi con, tại phiên tòa anh H yêu cầu chị T có

nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung với mức 1.500.000 đồng/01 con/ 01 tháng, kể từ khi xét xử sơ thẩm đến khi các con chung đủ 18 tuổi, chị T cũng đồng ý với mức cấp dưỡng trên. Đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự, do đó Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

[4] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: Anh H và chị T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Anh H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội, chị T phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại điều 271 và khoản 1 điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 khoản 5 Điều 28, khoản 3 Điều 144, khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 116, Điều 117 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Dương Việt H được ly hôn với chị Nguyễn Thị T

2. Về con chung: Giao cho anh Dương Việt H trực tiếp nuôi con chung là Dương Thanh P, sinh ngày 19/4/2015 và Dương Đình Q, sinh ngày 07/4/2019. Chị Nguyễn Thị T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung với mức 1.500.000 đồng/01con/01 tháng, kể từ khi xét xử sơ thẩm (ngày 27/5/2024) đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Sau khi ly hôn, chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Dương Việt H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí anh H đã nộp theo biên lai số 0006666 ngày 08 tháng 01 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang. Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Tân Yên;
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- Chi cục THADS huyệnTân Yên;
- UBND thị trấn C;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Tư Duy